| | |
|---|---|
| UBND XÃ LONG SƠN<br>**BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập - Tự do -Hạnh phúc** |
| Số: 138 /QĐ-BQLDA | *Long Sơn, ngày 13 tháng 10 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt E-HSMT, tiêu chuẩn lựa chọn nhà thầu gói thầu thi công xây lắp (gói thầu số 04) thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường, hẻm trên địa bàn Xã.**

## GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG XÃ LONG SƠN

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023; được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.*

*Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Long Sơn về phê duyệt dự án Đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường, hẻm trên địa bàn Xã;*

*Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-BQLDA ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng xã Long Sơn về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường, hẻm trên địa bàn Xã.*

Xét Báo cáo số 133/BC-PQLDA ngày 12 tháng 10 năm 2026 của Phòng Quản lý dự án, Tờ trình số 59/TTr-TN ngày 10/10/2026 của Công ty CP Tư vấn Xây dựng Tín Nghĩa, Báo cáo kết quả thẩm định số 63/KQTĐ-KĐ.1 ngày 12/10/2026 của Công ty CP kiểm định và xây dựng KĐ.1 về việc lập, thẩm định, phê duyệt E-HSMT, tiêu chuẩn lựa chọn nhà thầu gói thầu thi công xây lắp (gói thầu số 04) thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường, hẻm trên địa bàn Xã,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt E-HSMT, tiêu chuẩn lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp (gói thầu số 04) thuộc dự án Đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường, hẻm trên địa bàn Xã với nội dung chính như sau:

### I. E-HSMT VÀ TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN NHÀ THẦU THỰC HIỆN GÓI THẦU XÂY LẮP (GÓI THẦU SỐ 04):

**1. Phần 1: Thủ tục đấu thầu.**

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSMT

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Tiêu chí đánh giá được thể hiện trong bảng dưới đây:

| **1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công** | | |
|---|---|---|
| 1.1. Giải pháp cung ứng các vật liệu chính, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình theo danh mục quy định tại Chương V của E-HSMT. | - Lập bảng danh mục và thuyết minh về tiêu chuẩn – quy cách, nguồn gốc, xuất xứ, đặc tính kỹ thuật hoặc có chứng chỉ chất lượng của vật liệu chính, cấu kiện, thiết bị của phòng thí nghiệm hợp chuẩn kèm theo.<br>- Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc với nhà sản xuất hoặc đơn vị cung cấp hoặc có khả năng tự cung cấp các vật liệu chính, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình [Nhà thầu phải đính kèm hồ sơ pháp lý liên quan để chứng minh nguồn cung cấp các vật tư, vật liệu chính nêu trên như: Giấy phép kinh doanh, Giấy phép khai thác khoáng sản cát, đá (còn hiệu lực), các tài liệu chứng minh nguồn vật tư, vật liệu nêu trên … | **Đạt** |

| | | |
|---|---|---|
| | của đơn vị cung cấp hoặc đơn vị cấp hàng cho đơn vị cung cấp] | |
| | - Thuyết minh không hợp lý, không phù hợp hoặc đề xuất thiếu. | **Không đạt** |
| 1.2. Giải pháp bố trí tổng mặt bằng thi công tại công trường:<br>a) Tổng mặt bằng công trình, vị trí các tuyến hẻm, nhà tạm và khu vực phụ trợ phục vụ thi công, kho bãi để cấu kiện, vật liệu xây dựng, xe máy, thiết bị thi công chủ yếu, biển báo công trình;<br>b) Tuyến đường chở vật tư, vật liệu, công nhân… đến kho bãi tập kết và khu vực thi công;<br>c) Ranh giới mặt bằng thi công, hàng rào và biển báo;<br>d) Hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải trên công trường, biện pháp xử lý trước khi đưa vào hệ thống thoát nước khu vực. | - Thuyết minh đầy đủ, khả thi, phù hợp quy mô, tính chất, hiện trạng, phạm vi của công trình và các quy định của Pháp luật về xây dựng hiện hành, kèm bản vẽ tổng mặt bằng thi công trên cơ sở hồ sơ thiết kế được phê duyệt. | **Đạt** |
| | - Thuyết minh không hợp lý, không phù hợp hoặc đề xuất thiếu. | **Không đạt** |
| 1.3. Giải pháp kiểm soát hiện trạng công trình | - Lập sơ đồ mặt bằng tuyến xây dựng và khu vực xây dựng và thuyết minh về vị trí, đặc điểm của các dự án HTKT và công trình xây dựng gần khu đất đầu tư xây dựng dự án (Giao thông, cấp điện, hệ thống cấp thoát nước); đánh giá ảnh hưởng của các dự án trên đến quá trình xây dựng công trình và sử dụng phù hợp với hồ sơ thiết kế, quy mô, hiện trạng, phạm vi dự án. | **Đạt** |
| | - Thuyết minh không hợp lý, không phù hợp hoặc đề xuất thiếu. | **Không đạt** |
| 1.4. Giải pháp phân luồng giao thông, đảm bảo an toàn giao thông cho các phương tiện lưu thông trên các tuyến đường hẻm hiện hữu, đường hiện hữu (đặc biệt tại các vị trí giao cắt các tuyến, các đường hẻm nhỏ, các tuyến có lưu lượng xe lưu thông đông, phức tạp), cho các hộ gia đình tiếp cận trực tiếp | - Thuyết minh đầy đủ, hợp lý, khả thi phù hợp quy mô, tính chất, hiện trạng, phạm vi của gói thầu, kèm bản vẽ thi công của nhà thầu. | **Đạt** |
| | - Thuyết minh không hợp lý, không phù hợp hoặc đề xuất thiếu. | **Không đạt** |

| | | |
|---|---|---|
| vào tuyến đường. | | |
| 1.5. Giải pháp kỹ thuật thi công nền đường; mặt đường; hệ thống thoát nước mưa, nước thải; an toàn giao thông. | Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công, hiện trạng công trình xây dựng. Trong đó:<br>- Giải pháp xử lý nền đường hiện hữu, giải pháp thoát nước, đắp đất/ cấp phối hoàn trả phải phù hợp với hiện trạng mặt bằng, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.<br>- Thể hiện được việc thi công các hạng mục nền đường. Giải pháp điều phối đất đào (kể cả đất đào thi công hạ tầng) để đắp nền. Giải pháp đổ đất thừa, đất thải phù hợp với quy định và bảo vệ môi trường. Giải pháp thi công phải thể hiện được thi công trên đường hiện hữu, nhỏ hẹp, nhà dân 2 bên.<br>- Giải pháp thi công hệ thống hạ tầng phù hợp với giải pháp thi công nền đường phù hợp với đặc điểm tuyến đường.<br>- Giải pháp thi công đấu nối với các tuyến đường và hạ tầng hiện hữu.<br>Giải pháp thi công thoát nước mưa, thoát nước thải qua các khu vực địa hình khác nhau (nhà dân hiện hữu; khu vực có nước ngầm; qua mương thoát nước hiện hữu; qua đường hiện hữu nhỏ hẹp).<br>- Giải pháp thi công các loại mặt đường, giải pháp phải thể hiện được việc thi công trên đường hiện hữu nhỏ hẹp, nhà dân 2 bên. | **Đạt** |
| | Không có giải pháp hoặc có giải pháp không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công, hiện trạng công trình xây dựng và không tuân thủ các tiêu chuẩn thi công, nghiệm thu hiện hành, đề xuất không đầy đủ các | **Không đạt** |

| | | |
|---|---|---|
| | yêu câu nêu trên. | |
| 1.6. Biện pháp thi công:<br>Biện pháp tổ chức, công nghệ áp dụng thi công và giải pháp an toàn thi công các Hạng mục công việc theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT. | - Thuyết minh đầy đủ, khả thi, phù hợp với quy định của Pháp luật về xây dựng hiện hành và quy mô dự án, kèm bản vẽ chỉ dẫn thi công của nhà thầu trên cơ sở hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt. | **Đạt** |
| | - Thuyết minh không hợp lý, không phù hợp hoặc đề xuất thiếu. | **Không đạt** |
| **2. Tiến độ thi công** | | |
| 2.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 270 ngày (bao gồm cả điều kiện hiện trường, thời tiết và các yếu tố khác…kể từ ngày khởi công) | - Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 270 ngày. | **Đạt** |
| | - Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 270 ngày. | **Không đạt** |
| 2.2. Biểu tiến độ thi công xây dựng công trình | - Biểu tiến độ thi công các công tác xây lắp, các hạng mục công trình. Trong đó chỉ rõ ngày bắt đầu, ngày kết thúc các công tác, các hạng mục hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT. | **Đạt** |
| | - Không có biểu tiến độ thi công các công tác xây lắp, các hạng mục công trình hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật. | **Không đạt** |
| 2.3. Các biểu đồ huy động nhân lực, thiết bị, vật liệu. | - Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và tiến độ thi công. | **Đạt** |
| | - Thuyết minh không hợp lý, không phù hợp hoặc đề xuất thiếu. | **Không đạt** |
| 2.4. Biện pháp bảo đảm tiến độ thi công, biện pháp kiểm soát quá trình và thời gian thực hiện công việc chính giảm thiểu sự chậm trễ (thời gian dự phòng) | - Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi theo các nội dung yêu cầu. | **Đạt** |
| | - Thuyết minh không hợp lý, không phù hợp hoặc đề xuất thiếu. | **Không đạt** |
| **3. Tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường** | | |
| 3.1. Hệ thống tổ chức quản lý dự án của nhà thầu | - Thuyết minh phạm vi hoạt động và sự phối hợp, kết nối công tác giữa các đơn vị thi công khác hiện có, chủ đầu tư và các cơ quan có | **Đạt** |

| | | |
|---|---|---|
| | liên quan trong quá trình thi công từ khi ký hợp đồng đến khi bàn giao công trình đưa vào sử dụng. | |
| | - Thuyết minh không hợp lý, không phù hợp hoặc đề xuất thiếu. | **Không đạt** |
| 3.2. Hệ thống tổ chức quản lý hiện trường | - Thuyết minh cách thức tổ chức hệ thống quản lý thi công của nhà thầu phù hợp với tính chất và quy mô của dự án, trách nhiệm của từng chủ thể, cá nhân bao gồm: chỉ huy trưởng, các cá nhân phụ trách kỹ thuật thi công trực tiếp (cán bộ kỹ thuật phụ trách, tổ đội thi công...), quản lý chất lượng, an toàn, khối lượng, tiến độ, hồ sơ nhằm đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của thiết kế và mục tiêu đề ra. | **Đạt** |
| | - Thuyết minh không hợp lý, không phù hợp hoặc đề xuất thiếu. | **Không đạt** |
| **4. Biện pháp bảo đảm chất lượng** | | |
| 4.1. Sơ đồ quản lý chất lượng | - Trình bày sơ đồ quản lý chất lượng và thuyết minh chi tiết, cụ thể nhiệm vụ của các nhân sự thực hiện công tác quản lý chất lượng nhằm đảm bảo chất lượng công trình theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật. | **Đạt** |
| | - Thuyết minh không hợp lý, không phù hợp hoặc đề xuất thiếu. | **Không đạt** |
| 4.2. Biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng toàn bộ vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình | - Đề xuất thuyết minh đầy đủ, chi tiết các tiêu chí kỹ thuật và các yêu cầu liên quan phù hợp Chỉ dẫn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế, các Quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định của Pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng hiện hành và quy mô dự án. | **Đạt** |
| | - Thuyết minh không hợp lý, không phù hợp hoặc đề xuất thiếu. | **Không đạt** |
| 4.3. Biện pháp bảo đảm chất lượng thi công chi tiết toàn bộ | - Đề xuất thuyết minh đầy đủ, chi tiết các tiêu chí kỹ thuật và các yêu | **Đạt** |

| | | |
|---|---|---|
| công việc xây dựng công trình | cầu liên quan phù hợp với Chỉ dẫn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế, các Quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định của Pháp luật về xây dựng hiện hành và quy mô dự án | |
| | - Thuyết minh không hợp lý, không phù hợp hoặc đề xuất thiếu. | **Không đạt** |
| 4.4. Kế hoạch tổ chức thí nghiệm, kiểm tra, quan trắc, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình | - Thuyết minh biện pháp tổ chức thực hiện phù hợp với yêu cầu thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật, các Quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định của Pháp luật về xây dựng hiện hành và quy mô dự án. | **Đạt** |
| | - Không hoặc có đề xuất đầy đủ, chi tiết theo nội dung yêu cầu, nhưng không có tính hợp lý và phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công. | **Không đạt** |
| 4.5. Kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu thi công xây dựng công trình | - Lập bảng biểu và mô tả chi tiết kế hoạch triển khai nghiệm thu từng công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận (hạng mục) công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và tiến độ thi công. | **Đạt** |
| | - Không hoặc có đề xuất đầy đủ, chi tiết theo nội dung yêu cầu, nhưng không có tính hợp lý và phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công. | **Không đạt** |
| 4.6. Hồ sơ quản lý thi công xây dựng công trình | - Đề xuất thuyết minh biện pháp tổ chức lập và lưu trữ quản lý tài liệu, hồ sơ thanh quyết toán, hồ sơ hoàn thành công trình *(đính kèm danh sách các tài liệu, biểu mẫu, báo cáo hoàn chỉnh sẽ phải giao nộp)* phù hợp các quy định của Pháp luật về xây dựng hiện hành và quy mô dự án | **Đạt** |
| | - Thuyết minh không hợp lý, không phù hợp hoặc đề xuất thiếu. | **Không đạt** |

| | | |
|---|---|---|
| **5. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường; đảm bảo an ninh** | | |
| 5.1. Am hiểu về An toàn, vệ sinh lao động:<br>a. Nguyên tắc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động;<br>b. Quyền và nghĩa vụ về an toàn, vệ sinh lao động của người lao động;<br>c. Quyền và nghĩa vụ về an toàn, vệ sinh lao động của người sử dụng lao động. | - Đề xuất đầy đủ theo các nội dung yêu cầu và phù hợp các quy định của Pháp luật hiện hành | **Đạt** |
| | - Thuyết minh không hợp lý, không phù hợp hoặc đề xuất thiếu. | **Không đạt** |
| 5.2. Lập biện pháp bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng công trình | - Thuyết minh đầy đủ theo các nội dung yêu cầu và phù hợp các quy định của Pháp luật về xây dựng hiện hành, phù hợp với biện pháp thi công đề xuất và quy mô dự án. | **Đạt** |
| | - Thuyết minh không hợp lý, không phù hợp hoặc đề xuất thiếu. | **Không đạt** |
| 5.3. Biện pháp phòng cháy, chữa cháy | - Đề xuất đầy đủ quy định pháp luật, quy phạm tiêu chuẩn, quy chuẩn về pháp luật phòng cháy chữa cháy; Các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ phù hợp với đề xuất về biện pháp thi công và các quy định Pháp luật hiện hành về PCCC và quy mô dự án; Tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ. | **Đạt** |
| | - Thuyết minh không hợp lý, không phù hợp hoặc đề xuất thiếu. | **Không đạt** |
| 5.4. Các biện pháp, kế hoạch giảm thiểu và bảo vệ môi trường:<br>a) Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng về bảo vệ môi trường trong thi công;<br>b) Lập Kế hoạch, biện pháp và thực hiện thường xuyên công việc đảm bảo vệ sinh, môi trường trên công trường và khu vực lân cận bên ngoài công trường; | - Đề xuất đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng theo yêu cầu, hợp lý, khả thi phù hợp các quy định Pháp luật hiện hành và quy mô dự án.<br>- Có đề xuất vị trí bãi đổ đất thải (đất hữu cơ, xà bần, đất thừa khác), điểm tập kết, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại; bãi đổ đất thải, điểm tập kết, | **Đạt** |

| | | |
|---|---|---|
| c) Lập Kế hoạch quản lý chất thải trên công trường. | trạm trung chuyển và cơ sở xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phải được sự đồng ý của chính quyền địa phương hoặc đơn vị được phép xử lý chất thải/ đất thải (có tài liệu chứng minh như hợp đồng nguyên tắc với đơn vị xử lý chất thải đúng quy định, tài liệu chứng minh pháp lý của bãi đổ thải còn hiệu lực và được cấp có thẩm quyền phê duyệt) | |
| | - Thuyết minh không hợp lý, không phù hợp hoặc đề xuất thiếu; | **Không đạt** |
| **6. Bảo hành, bảo trì** | | |
| 6.1. Lập kế hoạch, quy trình bảo hành. | - Đề xuất đầy đủ theo các nội dung yêu cầu và phù hợp các quy định của Pháp luật về xây dựng hiện hành và quy mô dự án.<br>- Đề xuất phạm vi công việc xây dựng, hạng mục công việc và đề xuất điều kiện bảo hành của nhà thầu. | **Đạt** |
| | - Thuyết minh không hợp lý, không phù hợp hoặc đề xuất thiếu. | **Không đạt** |
| 6.2. Lập kế hoạch bảo trì | - Thuyết minh các nội dung công việc chính phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu. | **Đạt** |
| | - Thuyết minh không hợp lý, không phù hợp hoặc đề xuất thiếu. | **Không đạt** |
| **7. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP** | | |
| 7.1 Kết quả thực hiện hợp đồng:<br>a) Tiến độ thực hiện hợp đồng; | - Có < 2 trường hợp bị xử lý vi phạm. | **Đạt** |
| b) Chất lượng hàng hóa, dịch vụ, công trình, có các sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng và các yếu tố khác có liên quan;<br>c) Vi phạm hợp đồng, bị chấm dứt hợp đồng và lý do | - Có ≥ 2 trường hợp bị xử lý vi phạm. | **Không đạt** |

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

**2. Phần 2: Yêu cầu kỹ thuật.**

Chương V: Yêu cầu kỹ thuật

**3. Phần 3: Điều kiện hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng**

Chương VI: Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII: Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII: Biểu mẫu hợp đồng

Chi tiết thể hiện trong Hồ sơ mời thầu do Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Tín Nghĩa lập được Công ty CP kiểm định và xây dựng KĐ.1 thẩm định. Hồ sơ gồm 3 phần, 8 chương.

**Điều 2.** Các Phòng thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các công việc tiếp theo đúng các quy định của Pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Các ông Phó Giám đốc, Trưởng các Phòng thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Long Sơn, Giám đốc Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Tín Nghĩa và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như điều 3;
- UBND xã Long Sơn (thay b/c);
- Phòng Kinh tế;
- Cty CP Tư vấn XD Tín Nghĩa;
- Cty CP Kiểm định và XD KD1 ;
- Lưu VT, PQLDA(H.Chương).

**GIÁM ĐỐC**

U.B.N.D XÃ LONG SƠN T.P HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG XÃ LONG SƠN

**Quách Tiến Đạo**

Nội dung được ký số bởi:
Tên đơn vị: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG XÃ LONG SƠN
Mã số thuế: 3502579668
Thời gian ký: 13-10-2026 11:16:04